

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 2026

THƯ YÊU CẦU
V/v Gia hạn thời gian nhận báo giá

Kính gửi: Quý Công ty

Ngày 10/8/2026, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có phát hành Thư yêu cầu chào giá số 3193/TYC-BVNT cho danh mục mua sắm khí Argon y tế, hóa chất dùng trong xét nghiệm miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận. Sau thời hạn, Bệnh viện chưa nhận đủ báo giá cho danh mục trên, nhằm có thêm cơ sở tham khảo giá thị trường, Bệnh viện gia hạn thời gian nhận báo giá của danh mục trên với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

- Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Luân - Phòng VTTBYT – SĐT: 0979.666.904.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày phát hành yêu cầu chào giá đến trước 15h ngày 04 tháng 9 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 04/9/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục chào giá: mua sắm khí Argon y tế, hóa chất dùng trong xét nghiệm miễn dịch phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (Phụ lục 01, 02).
- Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:
 - Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại Biểu mẫu 01.
 - Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại Biểu mẫu 01.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.
 - Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại Phụ lục 01, 02 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 01 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT₃

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC KHÍ ARGON Y TẾ

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày /8/2026 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Khí Argon y tế	Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết: $\geq 99,9995\%$ - $H_2O \leq 3\text{ppm}$, $N_2 \leq 5\text{ppm}$, Oxygen $\leq 2\text{ppm}$ Bình chứa: - Dung tích bình chứa 8 lít - Áp suất an toàn: $\geq 250\text{ bar}$ - Áp suất khí nén khi đầy: $\geq 130\text{ bar}$ - Thể tích khí trong bình: $\geq 1.040\text{ lít}$ Kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 - 6mm - Giao diện nối điện tử: HDMI Tương thích với máy phát tia plasma lạnh PlasmaMED-GAP	Bình	500

DANH MỤC HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày /8/2026 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (Tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411/ Roche)			
1	HIV combi PT	Thuốc thử dùng để định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O và HIV-2 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	7
2	HBsAg	Thuốc thử dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	50
3	Anti-HBs	Thuốc thử dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	25
4	Anti-HCV	Thuốc thử dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	30
5	Anti-HBc	Thuốc thử dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	7
6	Anti-HBc IgM	Thuốc thử dùng để định tính kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	4
7	HBeAg	Thuốc thử dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	20
8	AFP	Thuốc thử dùng để định lượng $\alpha 1$ -fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	40
9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP, là huyết thanh người đông khô chứa AFP người (từ canh cây tế bào) với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
10	CA 19-9	Thuốc thử dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	20
11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9. Là huyết thanh người đông khô chứa CA 19-9 người ở 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
12	CEA	Thuốc thử dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	30
13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA. Là hỗn hợp đệm/protein có thêm CEA với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
14	βhCG	Thuốc thử dùng để định lượng tổng của kích tố sinh dục màng đệm của người (hCG) và tiểu đơn vị βhCG trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	50
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng βhCG	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+ β . Là huyết thanh người đông khô chứa hCG với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
16	Free βHCG	Thuốc thử dùng để định lượng βhCG tự do (tiểu đơn vị β tự do của kích tố sinh dục màng đệm ở người) trong huyết thanh người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	10
17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Free βHCG	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng free βhCG . Là huyết thanh người đông khô chứa free βhCG tái tổ hợp với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
18	PAPP-A	Thuốc thử dùng để định lượng protein A huyết tương liên quan đến thai kỳ trong huyết thanh người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	10
19	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A. Là huyết thanh người đông khô chứa PAPP-A người với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
20	Troponin T-hs	Thuốc thử dùng để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm này được dùng để hỗ trợ chẩn đoán phân biệt hội chứng mạch vành cấp nhằm xác định hoại tử cơ tim Hộp/ ≥ 200 test	Hộp	320
21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T-hs	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T hs. Là huyết thanh người đông khô chứa Troponin T với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
22	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Troponin T-hs	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Troponin T-hs. Là huyết thanh người đông khô chứa troponin T và troponin I với hai khoảng nồng độ cho mỗi chất Hộp/ $\geq (4 \times 2\text{ml})$	Hộp	8
23	Total PSA	Thuốc thử dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (tự do + phức hợp) trong huyết thanh và huyết tương người, được chỉ định để đo PSA toàn phần kèm theo thăm khám trực tràng bằng ngón tay (DRE) để hỗ trợ phát hiện ung thư tuyến tiền liệt ở nam giới từ 50 tuổi trở lên Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	40
24	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần. Là huyết thanh người đông khô chứa PSA người với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
25	FT3	Thuốc thử dùng để định lượng triiodothyronine tự do trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 200 test	Hộp	200
26	FT4	Thuốc thử dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 200 test	Hộp	200
27	TSH	Thuốc thử dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 200 test	Hộp	200
28	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3. Là huyết thanh người đông khô chứa T3 với hai khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4. Là hỗn hợp đệm/protein sẵn sàng để sử dụng chứa L-thyroxine với hai khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH. Là một hỗn hợp huyết thanh ngựa (TSH Cal1) và một hỗn hợp huyết thanh người với TSH người (TSH Cal2) ở 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	6
31	proBNP	Thuốc thử dùng để định lượng peptide lợi niệu loại B pro đầu N trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	120
32	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP. Là hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa NT-proBNP tổng hợp (1-76) với hai khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBeAg	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBeAg Hộp/ $\geq (16 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	4
34	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HCV	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HCV Hộp/ $\geq (16 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	4
35	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HBc	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HBc Hộp/ $\geq (16 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	3
36	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HBc IgM	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính Anti-HBc IgM Hộp/ $\geq (16 \times 1\text{ml})$	Hộp	3
37	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HIV	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định tính HIV combi PT và HIV Duo Hộp/ $\geq (6 \times 2\text{ml})$	Hộp	4
38	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Anti-HBs	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Anti-HBs Hộp/ $\geq (16 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	4
39	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBsAg	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBsAg Hộp/ $\geq (16 \times 1.3\text{ml})$	Hộp	4
40	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 12 thông số miễn dịch Hộp/ $\geq (4 \times 3\text{ml})$	Hộp	8
41	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 24 thông số miễn dịch. Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với hai khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 3\text{ml})$	Hộp	8
42	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng free βhCG , PAPP-A, Androstenedione, Estradiol, Progesterone, Testosterone. Là mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ hỗn hợp huyết thanh người với 3 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (6 \times 3\text{ml})$	Hộp	6
43	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, βCTx , Osteocalcin, PTH, P1NP, Vitamin D, Calcitonin. Là mẫu chứng huyết thanh đông khô lấy từ huyết thanh người với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 3\text{ml})$	Hộp	6
44	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt Hộp/ $\geq (6 \times 2\text{ml})$	Hộp	6

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
45	Cortisol	Thuốc thử dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	30
46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
47	Cyfra 21-1	Thuốc thử dùng để định lượng các phân đoạn của cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	16
48	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1 Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
49	NSE	Thuốc thử dùng để định lượng enolase đặc hiệu thần kinh (NSE) trong huyết thanh người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	12
50	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
51	Insulin	Thuốc thử dùng để định lượng insulin trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	12
52	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng insulin Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
53	Ferritin	Thuốc thử dùng để định lượng Ferritin trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	100
54	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
55	Procalcitonin (PCT)	Thuốc thử dùng để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	90
56	FSH	Thuốc thử dùng để định lượng nội tiết tố kích thích nang trứng trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	5
57	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
58	PTH	Thuốc thử dùng để định lượng nội tiết tố tuyến cận giáp trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	60

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
59	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH. Là huyết thanh người đông khô chứa PTH tổng hợp với hai khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
60	Tg (Thyroglobulin)	Thuốc thử dùng để định lượng thyroglobulin trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	17
61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Tg	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Tg Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
62	CA 72-4	Thuốc thử dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	24
63	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	6
64	CA 125	Thuốc thử dùng để định lượng quyết định kháng nguyên phản ứng OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	20
65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
66	CA 15-3	Thuốc thử dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	20
67	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	5
68	Testosterol	Thuốc thử dùng để định lượng testosterone trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	12
69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng testosterone Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
70	LH	Thuốc thử dùng để định lượng nội tiết tố tạo hoàng thể trong huyết thanh và huyết tương người Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	5
71	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH Hộp/ $\geq (4 \times 1\text{ml})$	Hộp	4
72	IL-6	Thuốc thử dùng để định lượng Interleukin-6 (IL-6) trong huyết thanh và huyết tương Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	40

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6. Là một hỗn hợp huyết thanh ngựa đông khô chứa IL-6 tái tổ hợp với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 2\text{ml})$	Hộp	5
74	Chất phụ gia cho bình chứa nước cất	Được sử dụng là chất phụ gia cho bình chứa nước cất, làm tăng năng suất rửa giữa các bước hút và cần thiết cho các loại xét nghiệm Chai/ $\geq 500\text{ml}$	Chai	150
75	Đầu côn hút mẫu	Là vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch Hộp/ $\geq (30 \times 120 \text{ cái})$	Hộp	200
76	Cốc phản ứng	Cốc phản ứng dùng cho xét nghiệm miễn dịch Hộp/ $\geq (60 \times 60 \text{ cái})$	Hộp	150
77	Dung dịch hệ thống	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hoá cho máy xét nghiệm miễn dịch Hộp/ $\geq (6 \times 380\text{ml})$	Hộp	400
78	Dung dịch pha loãng mẫu	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm Hộp/ $\geq (2 \times 16\text{ml})$	Hộp	60
79	Dung dịch rửa	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy xét nghiệm miễn dịch Hộp/ $\geq (6 \times 380\text{ml})$	Hộp	400
80	Dung dịch vệ sinh máy	Dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch Hộp/ $\geq (5 \times 100\text{ml})$	Hộp	3
81	Chất pha loãng mẫu	Chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm Hộp/ $\geq (2 \times 36\text{ml})$	Hộp	15
82	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng proBNP	Là huyết thanh chứng đông khô lấy từ huyết thanh người với 2 khoảng nồng độ Hộp/ $\geq (4 \times 2\text{ml})$	Hộp	8

BIỂU MẪU 01
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng/nước sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ($\geq$ tháng)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

BIỂU MẪU 01.1

MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại BHYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

...., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))